

Đề tài: Nhập Môn Tịnh Độ Tông – TT Thích Đạo Thông

Giáo nghĩa Tịnh độ tông lấy 3 bộ kinh và 1 bộ luận làm nền tảng cho tư tưởng của mình: kinh "Vô Lượng Thọ" nói về tiền thân Đức Phật A Di Đà khi còn là Pháp Tạng Tỳ kheo đã phát nguyện 48 lời nguyện để cứu độ chúng sanh, kinh Quán Vô Lượng Thọ nói rõ phép quán tưởng niệm Phật, kinh A Di Đà miêu tả thế giới Cực lạc đẹp đẽ trang nghiêm có Đức Phật A Di Đà đang thuyết pháp, và bộ luận Vãng sinh Tịnh độ của ngài Thế Thân tán thán và giảng về ý nghĩa của ba bộ kinh trên.

Cực lạc thế giới, Hán dịch từ tiếng Phạn Sukhànati, là nơi có hạnh phúc mà không có khổ đau. Cõi giới này do Đức Phật A Di Đà giáo hóa. Có thể nói thế giới Cực lạc là một khái niệm khác của Niết bàn, vì Niết bàn (Nirvana) có nghĩa là dập tắt mọi phiền não khổ đau. Trong ý nghĩa hẹp hơn thì đó là một thế giới hiện thực ở phương Tây, khác với thế giới Ta bà đầy đau khổ này mà kinh A Di Đà gọi là "ngũ trược ác thế".

Thế giới Cực lạc có những ưu điểm tiêu biểu như không có ô uế, không có phiền não, thọ mạng lâu dài, ăn uống tự có, có các thần thông... Đất nước rất đẹp được cấu tạo bằng các chất quý báu như vàng, ngọc, lưu ly...; cây cối, ao hồ, cung điện, đường xá đều bằng các thứ báu, có ca nhạc như âm nhạc cõi trời, các loài chim hót ca như thuyết pháp... Tóm lại, đó là một thế giới lý tưởng, là môi trường tốt cho sự tu hành và đạt được hạnh phúc tối thượng. Đức Phật A Di Đà là vị giáo chủ của thế giới Cực lạc. A Di Đà là danh từ dịch âm của Amitābha, dịch nghĩa là Vô lượng quang, còn Amitāyus là Vô lượng thọ. Vô lượng quang chỉ cho ánh sáng vô lượng, biểu tượng cho trí tuệ viên mãn hay cho Pháp thân (Dharma-kāya). Vô lượng thọ chỉ cho đời sống vĩnh cửu, biểu tượng của đại định hay còn gọi là Giải thoát thân (Vinūktikāya). Với ý nghĩa danh hiệu như vậy, Đức Phật A Di Đà tượng trưng cho sự sống vĩnh cửu và giải thoát hoàn toàn khổ đau, đó là mục đích cao cả và hấp dẫn đối với con người ở mọi thời đại. Chúng ta tìm hiểu con đường tu tập nhập môn Tịnh độ tông là phương pháp tu tập chánh hạnh và trợ hạnh.

Con đường tu tập nhập môn Tịnh độ tông là ba nguyên tắc chánh hạnh là **Tín- Nguyện- Hạnh**:

1- Niềm tin (Tín): Đây là điều kiện tiên quyết, không có niềm tin hay niềm tin không đủ mạnh thì không thể tu Tịnh độ được. Sự tin tưởng là nền tảng khởi lên ước muốn và hướng tâm về thế giới Cực lạc. Như tất cả các pháp môn khác, niềm tin là mẹ của các thiện pháp và phát sinh công đức. Niềm tin của hành giả Tịnh độ rất rõ, tin rằng Đức Phật A Di Đà và thế giới Cực lạc là có thực, Đức Phật và Thánh chúng luôn sẵn sàng tiếp độ chúng ta, chỉ cần chuyên tâm tin tưởng và niệm Phật quyết chí vãng sanh thì chắc chắn được vãng sanh. Vì vậy, các kinh sách Tịnh độ và các hành giả Tịnh độ thường nói xác quyết chứ không có thái độ lưỡng lự, phân hai.

2- Nguyện lực hay tâm mong muốn (Nguyện): Niềm tin ổn định sẽ đưa đến ước muốn vãng sanh gọi là ước nguyện. Mọi hoạt động tâm lý đều hướng về Tịnh độ, mọi ước muốn đều được kích thích bằng sự nhàm chán đối với đời sống uế trược và bất an này. Nếu ta còn ham muốn vật chất, tình cảm, tư tưởng của cuộc đời này thì ước muốn vãng sanh không mạnh. Nghiệp liên kết với đời sống này không giảm thì Tịnh độ không hấp dẫn ta được, nên có chán Ta bà mới ước mong mãnh liệt về Tịnh độ được. Đó cũng là lý do tại sao người lớn tuổi ưa tu Tịnh độ hơn là giới trẻ. Biểu hiện của ước nguyện về Tịnh độ là mọi hành vi, lời nói và tâm ý đều phải thể hiện ước nguyện đó. Với lời nguyện mạnh mẽ từ bỏ uế độ vãng sanh Tịnh độ, mong có khả năng để cứu độ chúng sanh. Tâm nguyện như vậy mới tương ứng với tâm nguyện của Tịnh độ, mới có cảm ứng với Phật và Thánh chúng ở Cực lạc.

3- Hành trì (Hạnh): Khi tâm nguyện hướng về Tịnh độ thì mọi hành động, ngôn ngữ đều được tu tập liên tục, nghĩa là thực hành phương pháp niệm Phật, quán tưởng... đều đưa đến hợp nhất thân khẩu ý, không để cho các đối tượng của trần gian lôi kéo làm tâm bị tán loạn. Mọi công đức, thiện pháp ta có đều hồi hướng về Tịnh độ, thường thì hành giả thiết lập cho mình một thời khóa tu

niệm, ví dụ như trong một ngày một đêm chia thành sáu thời khóa để tụng niệm, tạo cho mình tiêu chuẩn niệm bao nhiêu lần, nhờ hành trì mà hành giả có thể đắc định, thấy Phật và Thánh chúng cõi Cực lạc. (Giới thiệu về tịnh độ tông- thích Viên Giác).

Người tu tịnh nghiệp cần phải thực hành thêm “trợ hạnh”, ‘trợ’ nghĩa là ‘giúp’, trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, Đức Phật dạy: “ *Nầy Vi Đề Hy! Người muốn sang nước Cực Lạc ấy nên tu ba phước:*

Một là hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ bậc sư trưởng, có tâm nhân từ chẳng giết hại và tu tập mười nghiệp lành.

Hai là thọ trì tam quy y, đầy đủ các cấm giới và chẳng phạm oai nghi.

Ba là phát tâm Bồ đề, sâu tin nhân quả, đọc kinh điển đại thừa và khuyên dạy sách tấn người tu hành. Nầy Vi Đề Hy! Nay bà có biết chăng? Ba tịnh nghiệp ấy là chánh nhơn tịnh nghiệp của tam thế chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại” (Kinh Quán Vô Lượng Thọ- HT Thích Trí Tịnh 169-170)

I) Phước Nghiệp Thứ Nhất:

1). Hiếu dưỡng cha mẹ:

Người hành giả thường chuyên niệm thánh hiệu A Di Đà còn lại lúc bình thường, cần phải hiếu thảo và báo đáp ơn dưỡng dục của cha mẹ. Công ơn của cha mẹ kinh sách ghi chép rất nhiều, tuy nhiên ở đây xin đơn cử một đoạn kinh để nói lên tinh thần đó. Kinh Tâm Địa Quán có nói: “*Nương nhờ ơn nuôi dưỡng của hai vị Từ-Phụ và Bi-Mẫu cho nên tất cả các trai gái đều được an vui. Thế là ơn cha cao như núi Chúa, ơn mẹ sâu như bể cả*”. Người con chí hiếu cho dù cung phụng không xao lãng về vật chất hay công cha mẹ đến trọn đời không xa lìa cũng không trả xong được. Kinh Bồn Sự có nói: “*Dù cho có người một vai công cha, một vai công mẹ, đến trọn đời mà chẳng phút xa lìa, và cung cấp áo cơm thuốc men, các món cần dùng. Như cũng chưa có thể gọi là đã trả xong ơn sâu nặng của cha mẹ*”. Kinh Bất Tư Nghì Quang nói rằng: “*Cung phụng đồ ăn uống và châu báu chưa đủ trả được ơn cha mẹ. Hướng dẫn cha mẹ xoay về chánh pháp mới là báo hiếu*”. Và trong **Luật Tỳ Na Đa** cũng có nói: “*Nếu cha mẹ không tin, khuyên phát khởi niềm tin; nếu chưa có giới pháp, khuyên thọ trì giới pháp, nếu tánh tình bủn xỉn, khuyên tu hạnh bố thí; nếu không trí huệ, khiến kia tu trí huệ. Làm con được như thế, mới gọi là trả ơn*”. Như vậy, người con muốn báo hiếu đền trả cho xong, thì hãy nên hành theo những lời dạy trong kinh. (Tư Tưởng Tịnh Độ Trợ Hạnh Vãng Sanh- Hân Kiến)

2) Kính thờ bậc Sư trưởng:

"Kính thờ Sư Trưởng" là biểu hiện của lòng biết ơn, sự tôn sùng và tinh thần phụng sự đối với vị thầy tâm linh, một giá trị cốt lõi trong văn hóa Phật giáo và truyền thống kính thầy Việt Nam.

Cổ đức dạy rằng: "*Sanh ngã giả phụ mẫu, thành ngã giả sư trưởng*" nghĩa là sinh ra ta là cha mẹ, làm nên ta là thầy. Cha mẹ ban cho ta hình hài, sự sống, còn thầy cô, thầy tổ là người dạy dỗ, khai sáng trí tuệ, đạo đức, giúp ta trưởng thành, trở thành người có ích, có tri thức và nhân cách, công lao của thầy cô, thầy tổ chẳng khác gì cha mẹ, thậm chí còn cao cả hơn trong việc định hình con người ta. Nhấn mạnh công ơn sinh thành của cha mẹ và công ơn giáo dục, khai sáng của người thầy, cả hai đều vô cùng to lớn và đáng kính trọng, không thể nào quên. “*Cha mẹ tuy có thể sanh dưỡng ta, nhưng nếu không có Sư trưởng thế gian thì không biết lễ nghĩa; nếu không có Sư trưởng xuất thế gian thì không hiểu Phật pháp. Không biết lễ nghĩa thì khác chi cảm thú, không hiểu Phật pháp thì khác nào thế gian.*” (Văn Khuyển Phát Bồ Đề Tâm – Đại sư Thật Hiền).

Vì lẽ đó cho nên Đức Thế Tôn dạy về cách ứng xử giữa thầy và trò rằng: “*Học trò đối với thầy nên biết năm điều thờ kính, phụng dưỡng thầy. Năm điều đó là gì? Một là khéo cung kính vâng lời. Hai là khéo giúp đỡ, hầu hạ. Ba là hăng hái. Bốn là nghề nghiệp giỏi. Năm là hay thờ kính thầy. Đệ tử lấy năm điều ấy cung kính, phụng dưỡng sư trưởng. Và ngược lại, sư trưởng cũng dùng năm việc săn sóc đệ tử. Năm việc đó là gì? Một là dạy cho nên nghề. Hai là dạy dỗ nhanh chóng. Ba là dạy hết những điều mình biết. Bốn là đặt để ở những chỗ lành. Năm là gửi*

gấm bậc thiện tri thức. Sư trưởng lấy năm điều ấy mà săn sóc đệ tử”. (Kinh Trung A-hàm II, Tuệ Sỹ, tr.571)

3) Có tâm nhơn từ chẳng giết hại và tu mười điều lành:

Đã có hiểu thảo và phụng dưỡng cha mẹ, kính thờ các bậc sư trưởng, đồng thời phải có “*lòng thương rộng lớn không giết hại chúng sanh và tu mười nghiệp lành*”. Nếu như có người hỏi: “Phật pháp lấy gì làm gốc?”. Theo tinh thần của Phật dạy, ta khẳng định rằng “*Phật pháp lấy từ bi trí tuệ làm gốc*”. Ở đây, từ bi lại là phương tiện đầu tiên. Cho nên chúng ta học Phật chính là học cái tâm đại từ đại bi của chư Phật, chỉ có tâm từ bi thì mới hướng dẫn được chúng sinh lìa khổ được vui. “Từ” hay “ban vui”, “bi” hay “cứu khổ”. Nếu thực hành được hai chữ “từ bi” này, mới chính thật là đệ tử của Như Lai. Kinh Niết Bàn đức Phật dạy rằng: “*Những kẻ có căn lành, lòng từ là cội gốc*” và “*Từ tâm tức là nhơn duyên của tất cả sự an vui. Rời bỏ từ bi thời chẳng còn có pháp lành*” (Kinh Ưu Bà Tắc Giới)

Chúng ta đã là người tu Tịnh nghiệp, một lòng cầu sanh Tịnh độ, nếu sát sanh làm tổn hại đến sanh mạng của chúng sanh, tăng trưởng nghiệp sát, do đây bị oán nghiệp của chúng sanh chướng ngại, tương lai khó vãng sanh. Chính vì thế trong kinh Thiện ác Báo ứng, quyền hạ nói: Người phạm tội sát sanh sẽ bị mười quả báo như sau:

“1. Oan gia thêm nhiều; 2. Người thấy không vui; 3. Chúng sanh sợ hãi; 4. Thường bị khổ não; 5. Thường nghĩ chuyện chết chóc; 6. Chiêm bao buồn khổ; 7. Lâm chung hối hận; 8. Chết yếu; 9. Tâm thức ngu muội; 10. Chết đoạ địa ngục”

Trái lại, nếu chúng ta không giết hại mà có lòng từ bi với tất cả chúng sanh thì sẽ có năm điều lợi ích: “1. Thọ mạng dài lâu; 2. Thân không tật bệnh; 3. Gia đình đoàn tụ; 4. Không bị nghiệp ác oán thù; 5. Tái sanh sẽ được làm người hay sinh lên cõi Trời”

Cho nên, người tu tịnh nghiệp cần phải nhận thức về hai phạm trù này, để khỏi tổn hại đến tính mạng chúng sanh. Vì vậy, cần phải có tâm từ bi không được sát hại mới có thể được vãng sanh. Và lại, còn phải tùy theo sức lực, khả năng của mình mà tu mười điều lành. Mười điều đó là:

- Thân: Không sát sinh, không trộm cắp và không tà dâm.
- Miệng: Không nói lời ác, không nói hai lưỡi, không nói dối và không nói lời trau chuốt.
- Ý: Không tham lam, không giận hờn và không si mê.

Bạn phải luôn tu tập mười điều lành này, nếu còn thiếu sót, hãy sửa đổi ngay. Đây là phước nghiệp thứ nhất. Phải đầy đủ phước nghiệp này mới có đủ khả năng thành tựu chánh nhân vãng sanh.

II. Phước Nghiệp Thứ Hai:

1). Thọ trì tam quy y đầy đủ các cấm giới và chẳng phạm oai nghi:

Quy y Tam bảo có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với người con Phật. Quy y Tam bảo là nấc thang đầu tiên, là khởi điểm của lộ trình hướng đến giải thoát, Giác ngộ. Quy là trở về, y có nghĩa nương tựa. Quy y Tam bảo là trở về nương tựa ba ngôi quý báu Phật, Pháp và Tăng. Phật là bậc giác ngộ hoàn toàn về ba phương diện: Tự giác, Giác tha và Giác hạnh viên mãn. Pháp là những phương pháp tu hành do chính Đức Phật thân chứng và giảng dạy để diệt trừ si ám, đoạn tận mọi khổ đau. Tăng là đoàn thể đệ tử xuất gia, giữ gìn giới luật, sống chung hòa hợp, tu tập theo chánh pháp. Phật, Pháp và Tăng được tôn xưng là ba ngôi quý báu trên đời hiếm có và khó gặp. Vì Tam bảo mới có đủ năng lực dẫn dắt chúng sinh ra khỏi biển khổ và phát huy cùng tột năng lực trí tuệ của chúng sinh để xóa tan vô minh, thành tựu giải thoát.

Tam bảo là chỗ dựa tinh thần vững chắc cho người Phật tử. Nhận thức sâu sắc về sự vô thường, giả hợp của thân mạng và thế giới, tỉnh mộng quay đầu, con người tìm về những chân giá trị của cuộc đời; thực hành đạo đức, sống hỷ xả, vô ngã và vị tha, nương vào ánh sáng soi đường của Tam bảo

tìm về Chân – Thiện – Mỹ. Muốn vãng sinh Tây phương, ít nhất phải thọ tam quy y. Sau khi thọ tam quy y, kể đến phải nghiêm cẩn trì giới vì giới là bậc thầy làm chỗ nương tựa của người hành giả tu đạo giải thoát. Cho nên, trong kinh Đại Bát Niết Bàn đức Phật có nói: *“Này A Nan! Ông hỏi sau khi Phật diệt độ lấy gì làm thầy? Nên biết giới Ba-la-đề-mộc-xoa là đại sư của các ông. Nương theo đó tu hành thời có thể được định, huệ xuất thế”*

Vả lại, người tu tịnh nghiệp nghiêm cẩn trì giới để khỏi phạm oai nghi hạnh kiểm của mình và hầu góp phần chánh pháp trường tồn hay chánh pháp hoại diệt, chính là do ta có giữ giới hay không giữ giới. Vì thế, trong kinh Luật Luận thường nói: *“Giới Luật là thọ mạng của Phật pháp”*.

“Giới Luật còn hành, Phật pháp cũng còn

Giới Luật không còn hành, Phật pháp cũng mất”.

Cho nên, chính vì lẽ đó người tu tịnh nghiệp dù tại gia hay xuất gia đã thọ giới rồi cần phải ý thức về phương diện này.

III. Phước Nghiệp Thứ Ba:

1). Phát tâm Bồ đề: Kinh Hoa Nghiêm, Bồ Tát Di Lặc đã từng dạy Thiện Tài rằng: *“Bồ Đề tâm là hạt giống của hết thảy các Phật pháp. Bồ đề tâm là ruộng phước vì nuôi lớn cõi bạch tịnh. Bồ đề tâm là cõi đất lớn, vì nâng đỡ hết thảy thế gian. Bồ Đề tâm là tịnh thủy, vì rửa sạch tất cả cấu bợn phiền não*.

Phát Bồ đề tâm tiếng phạn gọi là Bodhicitta nghĩa là tâm giác ngộ, phát khởi một nguyện vọng sâu sắc, tự nguyện tu tập để đạt đến sự giác ngộ (Vô thượng Bồ đề). nhằm cứu độ chúng sinh khỏi khổ đau, không chỉ vì lợi ích cá nhân mà là vì lợi ích của tất cả chúng sinh, hướng tới mục tiêu thành Phật Toàn Giác với nội hàm là *“thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh”*. Đó là một tâm nguyện “tối hậu”, “tinh túy của Phật pháp”, dẫn dắt hành giả trên con đường tu hành gian khổ qua nhiều kiếp cho đến khi đạt thành quả. Chất liệu trí tuệ và lòng từ bi của tâm rộng lớn, bao dung, dung chứa và thấu triệt tất cả chúng sinh.

Phát Bồ đề tâm trong Phật giáo Đại thừa có hai loại chính: **Bồ đề nguyện** (ước nguyện) là tâm nguyện muốn giải thoát chúng sinh và tự giác ngộ để làm lợi ích cho tất cả chúng sinh; và **Bồ đề hạnh** (thực hành) là hành động, nỗ lực thực hành các công hạnh như Lục độ Ba la mật (Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ) để hiện thực hóa nguyện vọng đó, tạo thành con đường tu tập hoàn chỉnh. Phát Bồ đề tâm đầy đủ bao gồm cả hai yếu tố: **ước nguyện cứu đời** và **thực hành để đạt được ước nguyện đó**, làm nền tảng vững chắc trên con đường thành Phật. Bồ đề nguyện và Bồ đề hạnh đi đôi với nhau, hỗ trợ lẫn nhau. Có nguyện mà không có hạnh thì chỉ là ước mơ; có hạnh mà không có nguyện lớn thì chưa đủ sức mạnh để đạt đến giác ngộ tối thượng. Đại sư Tịch Thiên trong phẩm Bồ đề nguyện nói rằng: *“Con sung sướng tùy hỷ tất cả các thiện hạnh dứt khổ mang vui cho chúng sanh”* và *“Bao nhiêu thiện hành như trên mà con đã tích tụ được, con nguyện dùng để tiêu trừ thống khổ cho tất cả chúng sanh”*. Phẩm Bồ đề hạnh có nói: *“Sau khi mạnh mẽ phát Bồ đề tâm, Bồ tát con Phật phải thường tinh tấn tu tập không được biếng nhác, nhất là không được làm trái học giới Bồ tát”*

Tôn chỉ kinh Vô Lượng Thọ là: *“Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”* tương đồng tôn chỉ kinh A Di Đà là *“Tín, Nguyện, Trì danh”*. Phát Bồ đề tâm là gốc vãng sanh Tịnh độ là tín, nguyện. Tín là *chí thành tâm* (chân thật tâm) và *thâm trọng tâm* (tâm tin sâu) và nguyện là *hồi hướng phát nguyện tâm* của ba tâm theo kinh Quán Vô Lượng Thọ.

Ngài Đạo Xước Đại Sư trong An Lạc Tập bản công dụng của Bồ Đề Tâm là: *“Thứ nhất là nêu lên công dụng của Bồ Đề Tâm. Đại Kinh bảo phẩm muốn vãng sanh Tịnh Độ thì phải lấy Bồ Đề Tâm làm gốc. Vì sao? Bồ Đề chính là tên gọi của Vô Thượng Phật Đạo. Nếu muốn phát tâm làm Phật thì tâm ấy rộng lớn trùm khắp pháp giới. Tâm ấy rất ráo, ngang với hư không. Tâm ấy lâu xa đến cùng tận đời vị lai. Tâm ấy trọn khắp, lìa nhị thừa chương. Nếu phát được tâm ấy thì khuyển đảo được sanh tử vô thi và trầm luân trong các cõi. Dem tất cả công đức hồi hướng Bồ Đề thì đều có thể đạt tới Phật quả, chẳng bị diệt mất.”*

Đức Phật A Di Đà vì lòng bi mẫn nên phát ra đại nguyện rộng lớn, nếu chúng sanh nào phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm khi lúc lâm chung sẽ được Ngài và Thánh chúng hiện thân tiếp độ. Kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật có dạy rằng: “Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sanh ở mười phương phát Bồ đề tâm, tu các công đức chỉ tâm phát nguyện muốn sanh về nước tôi. Lúc họ mạng chung, tôi và đại chúng vây quanh hiện ra trước mặt họ. Nếu không như vậy thì tôi không lấy ngôi chánh giác” (nguyện thứ 19)

Kinh Hoa Nghiêm, đức Thế Tôn và chư Bồ tát đã thuyết minh rộng rãi về công đức của Bồ đề tâm. ... “Phổ Hiền Bồ tát bảo: Thiện nam tử! Bồ tát vì điều phục giáo hoá tất cả chúng sanh nên phát Bồ đề tâm. Vì trừ diệt khổ tụ cho tất cả chúng sanh, nên phát Bồ đề tâm. Vì đem cho tất cả chúng sanh sự an vui đầy đủ, nên phát Bồ đề tâm. Vì đem lại Phật trí cho tất cả chúng sanh, nên phát Bồ đề tâm. Vì cung kính cúng dường tất cả chư Phật, nên phát Bồ đề tâm. Vì tùy thuận lời dạy Như Lai khiến chư Phật hoan hỷ, nên phát Bồ đề tâm. Vì muốn thấy sắc thân tướng hảo như tất cả chư Phật, nên phát Bồ đề tâm. Vì muốn vào trí huệ rộng lớn của tất cả chư Phật, nên phát Bồ đề tâm. Vì muốn hiển hiện của đức, lực, vô úy của chư Phật, nên phát Bồ đề tâm”

Đại sư Thật Hiền trong Văn Khuyên Phát Bồ Đề Tâm dạy rằng: “Cửa chính yếu để nhập đạo thì sự phát tâm đứng đầu, việc khẩn cấp để tu hành thì sự lập nguyện đứng trước”. Nếu không phát tâm rộng lớn, không lập nguyện bền chắc, thì dù trải qua vô lượng kiếp, vẫn y nhiên trong nẻo luân hồi; dù có tu hành cũng khó tinh tấn và chỉ luống công khổ nhọc. Kinh Hoa Nghiêm có nói: “Nếu quên mất tâm Bồ đề mà tu hành pháp lành, đó là sự nghiệp ma”. Ngài đã trình bày nói lên sự phát tâm có 8 cách: Tà, Chánh, Chân, Ngụy, Đại, Tiểu, Thiên, Viên. Ở đây, xin tóm lược như sau:

1. Trong đời có người tu hành mà từ trước đến nay chỉ một bề hành theo sự tướng, không biết tham cứu tự tâm, chỉ lo những việc ở ngoài, hoặc mong cầu lợi dưỡng, hoặc ưa thích hư danh, hoặc ham dục lạc hiện đời, hoặc mong cầu cầu phước báu mai sau, phát tâm như vậy gọi là **Tà**.
2. Không cầu lợi dưỡng, cũng chẳng thích hư danh, vui hiện thế không màng, phước vị lai chẳng tưởng. Chỉ vì sợ sống chết, mong cầu đạo Bồ đề, phát tâm như vậy gọi là **Chánh**.
3. Niệm niệm trên cầu Phật đạo, tâm tâm dưới độ chúng sanh, nghe thành Phật lâu xa chẳng khiếp lui, thấy chúng sanh khổ độ không chán mỏi. Như leo non cao muện dậm, quyết trèo tận đỉnh. Như lên tháp báu chín cấp đến ngọn chót cùng, phát tâm như thế gọi là **Chân**.
4. Có tội không sám hối, có lỗi không biết trừ. Trong trước mà ngoài thanh, trước siêng nhưng sau trễ. Tuy có lòng tốt, song xen lẫn với lợi danh. Dù tu pháp lành, bị tội nghiệp làm ô nhiễm. Phát tâm như thế gọi là **Ngụy** (dối)
5. Chúng sanh độ hết, bản nguyện mới cùng. Phật đạo tròn nên, thế nguyện mới mãn. Phát tâm như thế gọi là **Đại** (lớn)
6. Xem ba cõi như tù ngục, nhìn sống chết tựa oan gia. Chỉ mong tự độ, không muốn độ người, phát tâm như thế gọi là **Tiểu**. (nhỏ)
7. Thấy ngoài tâm có chúng sanh mình phải độ. Hiểu ngoài tâm có Phật đạo, rồi nguyện thành. Công phu tu tập chẳng sạch quên, sự kiến giải không tiêu mất. Phát tâm như thế gọi là **Thiên** (lệch).
8. Biết chúng sanh là tánh mình nên nguyện độ thoát. Rõ Phật đạo là tánh mình, nên nguyện viên thành. Lìa ngoài nguồn tâm thể, không thấy có pháp chi. Rồi dùng tâm rỗng như hư không, phát nguyện lớn như hư không, tu hạnh rộng lớn như hư không. Kết cuộc chứng quả vô chứng đắc như hư không, cũng chẳng có tướng “không”. Phát tâm như thế gọi là **Viên** (tròn)

Tâm bồ đề này là hàng đầu trong các pháp lành. Phát khởi được như vậy hẳn phải có nhân duyên. Trong văn, Tỳ Ni Đại sư lại khuyên đại chúng nên nghĩ đến mười nhân duyên để phát tâm. Mười duyên ấy là: “Một là vì nhớ ơn nghĩ ơn nặng của Phật. Hai là vì nhớ nghĩ công ơn cha mẹ. Ba là vì nhớ nghĩ công ơn sư trưởng. Bốn là vì nhớ nghĩ công ơn thí chủ. Năm là vì nhớ nghĩ công

ơn chúng sanh. Sáu là vì nhớ nghĩ khổ đau sinh tử. Bảy là vì tôn trọng tánh linh của mình. Tám là vì sám hối nghiệp chướng đã gây. Chín là vì nguyện cầu vãng sanh Tịnh độ. Mười là vì làm cho chánh pháp tồn tại lâu dài”

Qua những lời dạy của Phật, Bồ tát, Tổ sư nói trên, ta thấy phát Bồ đề tâm là điều rất quan trọng nhất trên đường tu đạo và hành giả cần phải phát Bồ đề tâm.

2) Tin sâu nhân quả:

Sau khi đã phát tâm Bồ đề, kể đến người học Phật, chúng ta cần phải tin sâu nhân quả, nếu không tin sâu nhân quả thì không được xem là đệ tử của Phật. Hay nói cách khác: *“Vấn đề tối thiểu nhất của người học Phật là phải tin sâu nhân quả”*. Phải biết “nhân như vậy thì quả như vậy”, “trồng dưa được dưa”, “trồng đậu được đậu”. Các hành giả tu nghiệp phải tin chắc rằng, hiện tại chúng ta gieo nhân niệm Phật, tương lai nhất định sẽ được quả vãng sinh; vãng sinh Tây phương Cực Lạc là “nhân”, tương lai đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là “quả”. Hai chữ “nhân quả” này, người học Phật cần phải phân định rõ ràng để trang nghiêm tự thân.

3) Đối với người đọc, tụng kinh điển Đại thừa:

Chính là nói chúng ta muốn cầu sanh Tây phương Cực lạc thì phải rõ đạo lý niệm Phật vãng sanh, còn ngược lại tin tâm sẽ không kiên cố. Hiểu rõ đạo lý này tức là thấy rõ sự lợi ích của việc tụng kinh, cũng là nhân tố trợ hạnh giúp hành giả trang nghiêm tự thân về nước An dưỡng. Vì sự lợi ích như thế, cho nên trong kinh Pháp Hòa có đoạn nói rằng: *“Sau khi Như Lai diệt độ, năm trăm năm sau, nếu có người nữ nghe kinh điển này, đứng như lời mà tu hành, thời khi chỗ đây chết liền qua cõi An Lạc, chỗ trụ xứ của đức A Di Đà Phật cùng chúng đại Bồ tát vây quanh, mà sanh lên tòa báu trong hoa sen.*

Chẳng còn bị lòng tham dục làm khổ, cũng chẳng lại bị lòng giận dữ, ngu si làm khổ, cũng chẳng bị lòng kiêu mạn ganh ghét và các tánh như làm khổ, đặng thần thông vô sanh pháp nhẫn của Bồ tát, đặng pháp nhẫn đó thời nhãn căn thanh tịnh. Do nhãn căn thanh tịnh đó thấy bảy trăm muôn hai nghìn ức na do tha hằng hà sa các đức Phật Như Lai”.

4) Khuyên người tu hành gắng tinh tấn:

Chính là nói tùy theo khả năng của mình mà hóa độ chúng sanh. Những gì đã nói ở trên đều là chú trọng tự mình tu, còn câu này chú trọng đến độ chúng sanh, chỉ cần cho chúng sanh học tập Phật pháp, khiến cho họ hưởng được an lạc trong giáo lý nhà Phật. Người niệm Phật một lòng cầu sanh Tịnh độ, không phải cầu sanh Cực lạc chỉ có mình ta, mà phải chỉ dạy cho mọi người có được lợi ích như ta.

Kết Luận:

Người tu tịnh nghiệp muốn vào cửa Tịnh độ là hành giải thực hành hai phương pháp: *“Chánh hạnh”* là tin sâu, nguyện thiết, chấp trì danh hiệu Phật chuyên cần và *“Trợ hạnh”* là tu ba phước chánh nhân thanh tịnh của ba đời chư Phật. Đại sư Triệt Ngô dạy rằng: *“Thật vì sanh tử, Phát lòng Bồ đề, Dùng tín nguyện sâu, Trì danh hiệu Phật”*.

Pháp môn Tịnh độ là phương pháp dạy người chuyên tâm niệm hồng danh Phật A Di Đà để được vãng sanh về cõi cực lạc. *“Trong hết thấy phương tiện, tìm lấy pháp thẳng chóng nhất, pháp viên đốn nhất, thì không có gì bằng pháp niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Lại trong hết thấy pháp niệm Phật, thì lấy pháp giản dị nhất, pháp ổn thỏa, thích đáng nhất, thì không gì bằng tín nguyện, chuyên trì danh hiệu.”* Ngài Ngẫu Ích nói *“A Di Đà Phật là vạn đức hồng danh. Dùng danh hiệu để chiêu cảm vạn đức thì không công đức nào là chẳng đạt được. Do đó, chấp trì danh hiệu là chánh hạnh, chẳng cần phải tu các hạnh: quán tưởng, tham cứu... thật là giản dị, rất thẳng chóng.”* Trong kinh Đại Tập, đức Phật có lời huyền ký: *“Thời Mạt Pháp muôn ức người tu hành,*

ít có người được giải thoát, chỉ nương pháp môn niệm Phật này mà muôn người tu muôn người thoát khỏi Luân Hồi.”

Kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật dạy rằng: “*Khéo giữ khẩu nghiệp, không nói dối người. Khéo giữ thân nghiệp, không mất oai nghi. Khéo giữ ý nghiệp, thanh tịnh không nhiễm*” Người chân chánh tu hành sống chánh niệm, tỉnh thức, giữ thân, khẩu, ý thanh tịnh giúp tâm “thuần thiện, thuần tịnh” Thân tâm luôn “nhớ Phật, niệm Phật” mọi lúc mọi nơi và hiện tại tương lai nhất định gặp Phật.

Tham khảo:

- *A Di Đà Kinh Yếu Giải* - Đại sư Ngẫu Ích Trí Húc - Tuệ Nhuận dịch.
- *Chú Giải: Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh*- Kim Cang Thừa Tam- Muội-Da Giới Tử: Hoàng Niệm Tổ- Bửu Quang Tự- Như Hòa dịch.
- *Kinh Vô Lượng Thọ & Kinh Quán Vô Lượng Thọ*” - HT Thích Trí Tịnh dịch.
- *Kinh A Di Đà Sớ Sao*” - Đại Sư Châu Hoàng- HT Thích Hành Trụ dịch.
- *Kinh Pháp Hoa*- HT Thích Trí Tịnh dịch.
- *Kinh Hoa Nghiêm*- HT Thích Trí Tịnh dịch.
- *Kinh Thập Thiện Bản dịch của TT. Thích Hoàn Quang*, tr 68, 1971.
- *Văn Khuyên Phát Bồ Đề Tâm*- Đại sư Thật Hiền- HT Thích Trí Quang dịch
- *Nhập Bồ Tát Hạnh*- Đại sư Tịch Thiên, Ni sư Thích Nữ Trí Hải dịch.
- *Lợi ích của việc quy y Tam Bảo, thọ trì năm giới*- Báo Giác Ngộ
- *Tư tưởng Tịnh độ trợ hạnh vãng sanh*- Hân Kiến.
- *Giới thiệu về Tịnh độ tông*- HT Thích Viên Giác- *Phật Học Cơ Bản*- Ban Hoằng Pháp Trung Ương.
- *Tứ Phần Tỳ Kheo Ni Giới Bốn Tập I*, Ni Sư Thích Nữ Trí Hải, 1995, P.304.
- *Luật Tỳ-na-da*, trích dẫn lại Kinh Lời Vàng, Biên Trước Dương Tú Hạc, Dịch giả Thích Trí Nghiêm, tr 133, Có Nhi Viện Phật Giáo Việt Nam ấn hành, PL2506-DL1963.